

## Cập nhật VIB – KHẢ QUAN

09/12/2025

---

## Cao Việt Hùng, CFA

(028) 7300 7000 (ext: 1049)

[hungcv@acbs.com.vn](mailto:hungcv@acbs.com.vn)

### Khuyến nghị

## KHẢ QUAN

HOSE: VIB

Ngân hàng

Giá hiện tại (VND) 18.350

Giá mục tiêu (VND) 20.200

Tỷ lệ tăng giá +10,1%

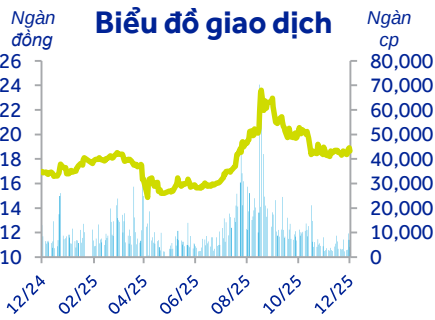
Suất sinh lợi cổ tức kỳ vọng 3,8%

Tổng tỷ suất lợi nhuận +13,9%

### Diễn biến giá cổ phiếu (%)

|           | YTD   | 1T   | 3T    | 12T   |
|-----------|-------|------|-------|-------|
| Tuyệt đối | 12.2  | -0.3 | -17.6 | 18.9  |
| Tương đối | -27.5 | -5.5 | -20.6 | -23.6 |

Nguồn: Bloomberg



### Cơ cấu sở hữu

|                                                |       |
|------------------------------------------------|-------|
| Đặng Khắc Vỹ (Chủ tịch HĐQT) & người liên quan | 20,3% |
| Đỗ Xuân Hoàng (TV HĐQT) & người liên quan      | 9,3%  |
| PYN Elite Fund                                 | 1,9%  |
| ACBS                                           | 1,0%  |

### Thông kê

08-12-2025

Mã Bloomberg

VIB VN

Thấp/Cao nhất 52 tuần (VND) 14,298-24,800

SL lưu hành (triệu cp) 3,404

Vốn hóa (tỷ đồng) 63,485

Vốn hóa (triệu USD) 2,404

Room khối ngoại còn lại (%) 0.0

Tỷ lệ cp lưu hành tự do (%) 63.6

KLGD TB 3 tháng (cp) 8,353,482

VND/USD 26,409

VNIndex / HNX 1741.32/260.65

## NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIB)

Chúng tôi duy trì giá mục tiêu 20.200 đồng/cp đến cuối năm 2026, dựa trên P/E và P/B mục tiêu lần lượt là 8x và 1,3x. Tuy nhiên, do giá cổ phiếu VIB đã giảm 5,4% kể từ báo cáo trước, chúng tôi nâng khuyến nghị từ TRUNG LẬP lên KHẢ QUAN.

KQKD Q3/25 chưa khởi sắc với LNTT đạt 2.030 tỷ đồng (+1,6% svck và -21,8% sv quý trước). Nguyên nhân do chi phí dự phòng tăng mạnh trở lại (+0,2% sv nền cao cùng kỳ năm trước và +82,2% sv quý trước) để cải thiện bộ đệm dự phòng hiện đang khá mỏng.

Tín dụng tăng trưởng ổn định (+4,7% sv quý trước, +15% svdn và +25% svck), chủ yếu đến từ phân khúc DN BĐS và chứng khoán. Tỷ lệ cho vay cá nhân tiếp tục giảm xuống chỉ còn 71,6%, từ mức gần 90% ở 03 năm trước. NIM đi ngang sv quý trước ở mức 3,27%, dù vẫn thấp hơn 75 bps svck, nhờ lãi suất cho vay cải thiện bù đắp cho chi phí vốn tăng lên. Thu nhập lãi thuần tăng nhẹ 0,3% svck và 5,1% sv quý trước.

Thu nhập ngoài lãi phục hồi (+7,4% svck), với điểm sáng đến từ thu nợ ngoại bảng (+70,7% svck) và thu phí dịch vụ (+59,4% svck).

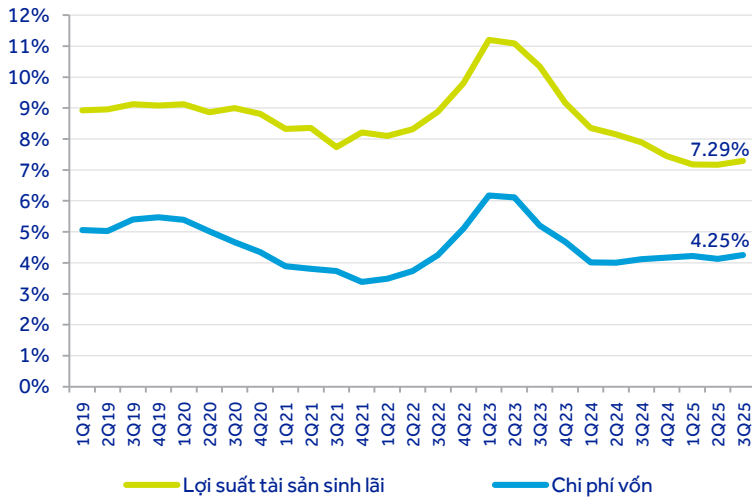
VIB đang chuyển dịch sang mảng cho vay DN lớn có tỷ lệ nợ xấu thấp hơn cho vay cá nhân trong bối cảnh tiêu dùng chưa hoàn toàn phục hồi. Nhờ đó, chất lượng tài sản cải thiện, dù vẫn còn ở mức khá kém. Tỷ lệ nợ xấu giảm 17 bps sv quý trước xuống 2,74%, tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng giảm 24 bps sv quý trước xuống 3,32%. Số ngày thu lãi bình quân ở mức lành mạnh 28 ngày. Mặc dù chất lượng tài sản cải thiện nhưng VIB tăng chi phí trích lập dự phòng trở lại lên 1.158 tỷ đồng (+82,2% sv quý trước) để cải thiện bộ đệm dự phòng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cải thiện 2,2 điểm % sv quý trước lên 39,4%, vẫn thuộc mức thấp trong ngành.

9T2025, VIB hoàn thành 64% kế hoạch và 70% dự phóng trước đó của chúng tôi. Cho cả năm 2025, chúng tôi giảm 7,2% dự báo LNTT xuống còn 9.335 tỷ đồng, tăng 3,7% (kế hoạch ĐHCĐ: tăng 22,4%), chủ yếu do chi phí tín dụng cao hơn dự kiến. Cho năm 2026, chúng tôi dự báo LNTT đạt 10.880 tỷ đồng, tăng 16,5% svck. Động lực tăng trưởng đến từ tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức tốt 20% và NIM cải thiện 9 bps.

Với việc chất lượng tài sản cải thiện và tăng trưởng lợi nhuận hai chữ số quay trở lại trong năm 2026, chúng tôi áp dụng P/E mục tiêu 8x cho VIB, cao hơn so với trung vị lịch sử các ngân hàng tương đồng là 6,5x.

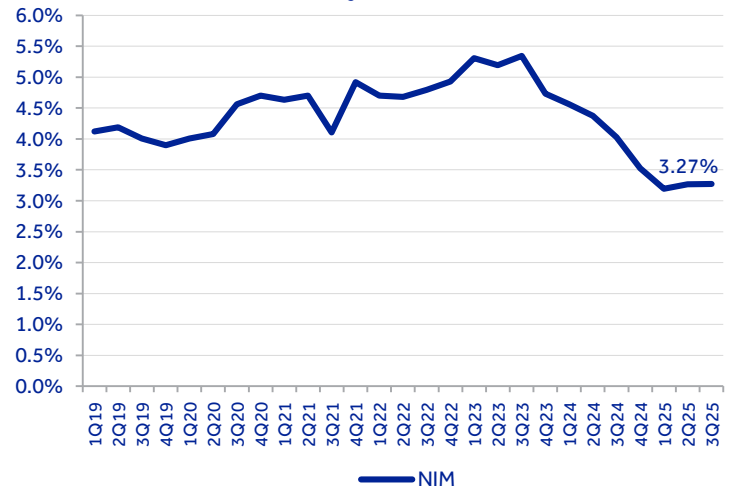
| (Đơn vị: tỷ đồng)         | 2021  | 2022   | 2023   | 2024   | 2025F  | 2026F  |
|---------------------------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Tăng trưởng tín dụng      | 19.2% | 14.5%  | 14.3%  | 21.5%  | 20.0%  | 20.0%  |
| NIM                       | 4.51% | 4.93%  | 5.29%  | 3.95%  | 3.18%  | 3.27%  |
| Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi  | 20.6% | 17.1%  | 16.6%  | 18.6%  | 20.6%  | 18.8%  |
| Tăng trưởng tổng thu nhập | 32.8% | 21.3%  | 22.7%  | -7.2%  | -1.5%  | 19.0%  |
| CIR                       | 35.5% | 34.3%  | 29.8%  | 35.1%  | 36.3%  | 33.6%  |
| Chi phí tín dụng (%)      | 0.85% | 0.58%  | 1.93%  | 1.47%  | 1.00%  | 1.20%  |
| LN trước thuế             | 8,011 | 10,581 | 10,704 | 9,004  | 9,335  | 10,880 |
| Tăng trưởng               | 38.0% | 32.1%  | 1.2%   | -15.9% | 3.7%   | 16.5%  |
| LNST sau lợi ích CĐTS     | 6,410 | 8,469  | 8,563  | 7,204  | 7,469  | 8,705  |
| LN thuộc về cổ đông       | 6,317 | 8,358  | 8,453  | 7,112  | 7,374  | 8,594  |
| EPS điều chỉnh (VND)      | 1,860 | 2,461  | 2,489  | 2,094  | 2,171  | 2,530  |
| BVPS (VND)                | 7,152 | 9,614  | 11,171 | 12,326 | 13,883 | 15,714 |
| ROA                       | 2.3%  | 2.6%   | 2.3%   | 1.6%   | 1.4%   | 1.4%   |
| ROE                       | 30.3% | 29.7%  | 24.3%  | 18.1%  | 16.8%  | 17.3%  |
| CAR (Basel 2)             | 11.7% | 12.8%  | 11.7%  | 11.9%  | 11.5%  | 10.9%  |
| P/E (x)                   | 25.4  | 7.7    | 7.9    | 9.4    | 8.5    | 7.3    |
| P/B (x)                   | 6.6   | 2.0    | 1.8    | 1.6    | 1.3    | 1.2    |
| Cổ tức (VND)              | -     | -      | 1,500  | 1,250  | 700    | 700    |
| Tỷ suất cổ tức            | 0.0%  | 0.0%   | 7.9%   | 6.4%   | 3.6%   | 3.8%   |

**Lãi suất cho vay và chi phí vốn tăng nhẹ**



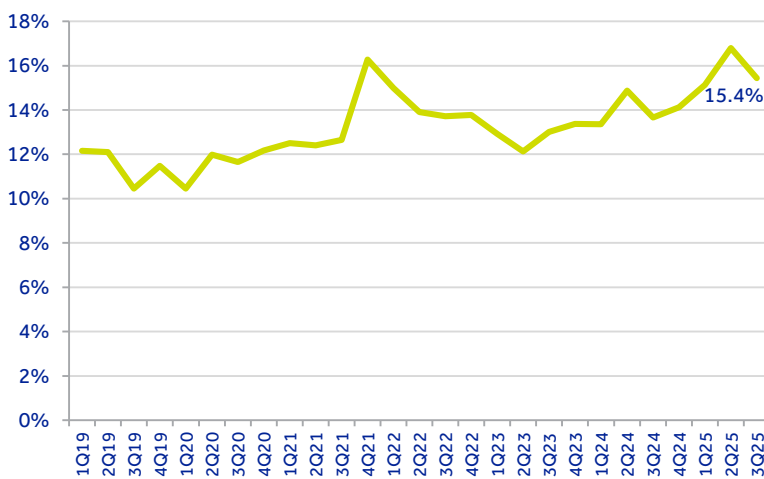
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

**NIM duy trì ổn định**



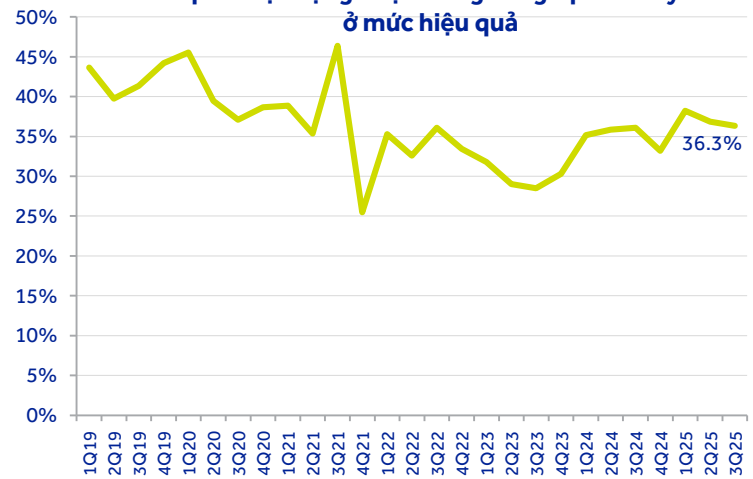
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

**Tỷ lệ CASA vẫn ở mức thấp và còn dư địa cải thiện**



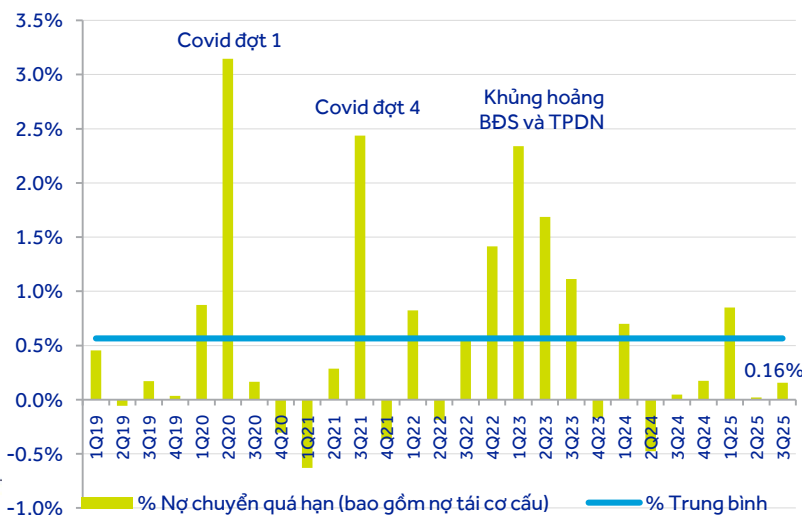
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

**Chi phí hoạt động được tiết giảm giúp CIR duy trì ở mức hiệu quả**



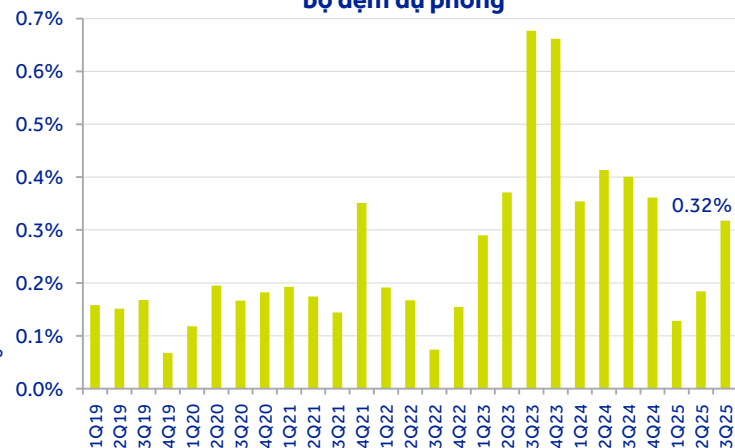
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

**Tỷ lệ nợ chuyển quá hạn ở mức thấp...**



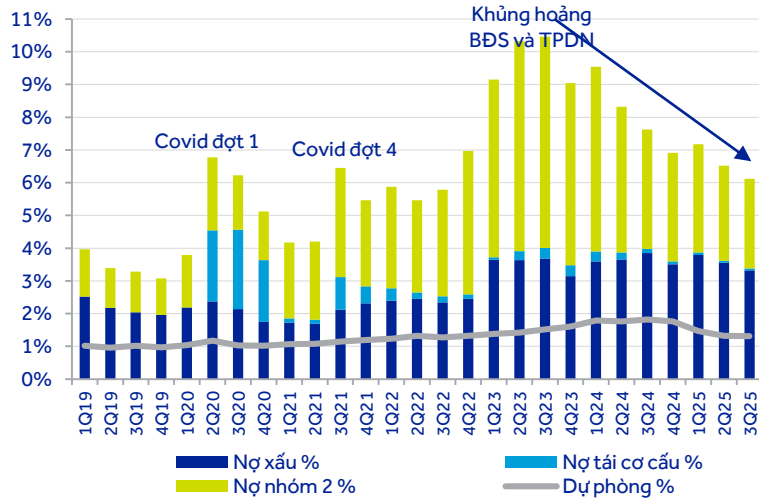
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

**... nhưng chi phí tín dụng tăng lên để cải thiện bộ đệm dự phòng**



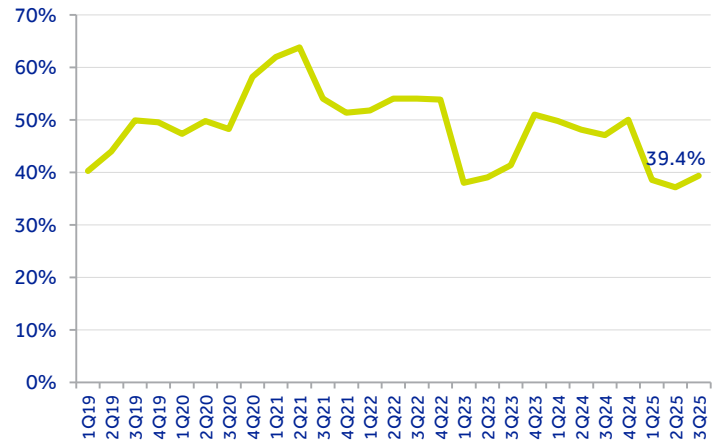
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

### Chất lượng tài sản cải thiện



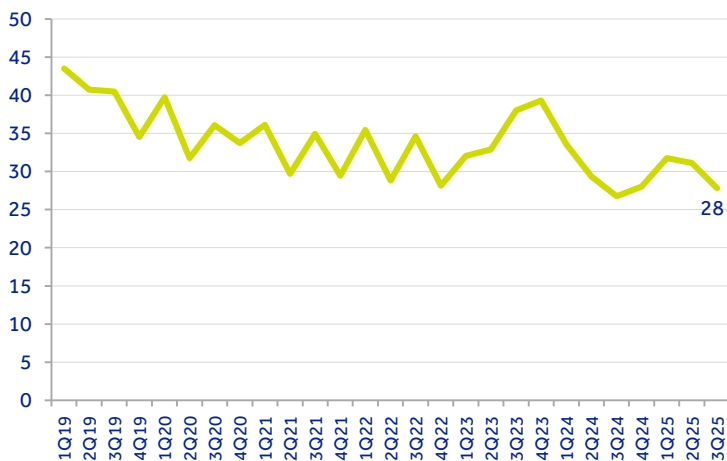
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

### Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng nhẹ



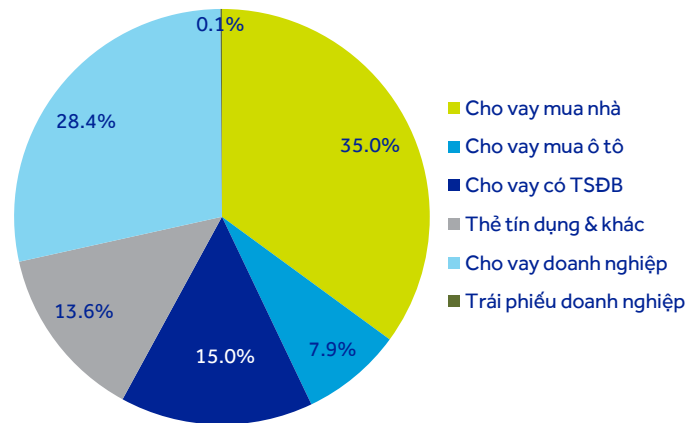
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

### Số ngày thu lãi ở mức lành mạnh



Nguồn: VIB, ACBS ước tính

### Cơ cấu danh mục tín dụng vẫn tập trung cho vay cá nhân



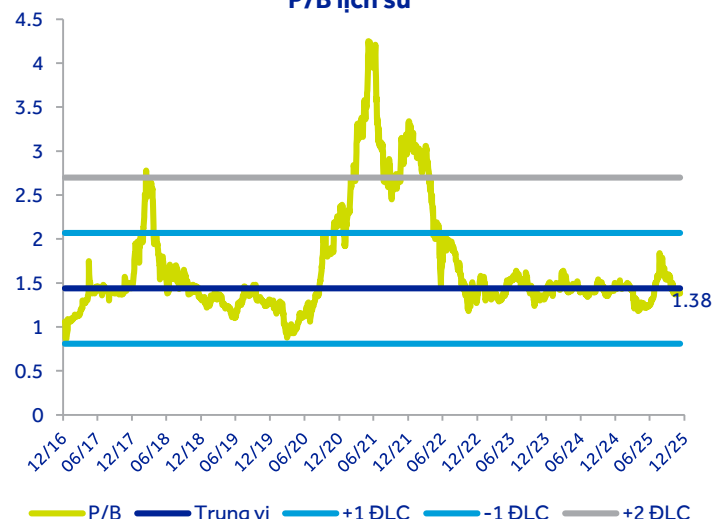
Nguồn: VIB, ACBS ước tính

### P/E lịch sử



Nguồn: FiinPro-X, ACBS

### P/B lịch sử



Nguồn: FiinPro-X, ACBS

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CÁC NGÂN HÀNG

(Đơn vị: tỷ đồng)

| Mã CK             | Sàn         | Vốn hóa<br>05/12/25 | Tổng tài<br>sản Q3/25 | Vốn chủ<br>sở hữu<br>Q3/25 | Tỷ lệ<br>nợ xấu<br>Q3/25 | Tỷ lệ nợ<br>nhóm 2<br>Q3/25 | Tỷ lệ bao<br>phủ nợ xấu<br>Q3/25 | ROA<br>(TTM) | ROE<br>(TTM) | CAR<br>(Basel 2)<br>2024 | P/E        | P/B        |
|-------------------|-------------|---------------------|-----------------------|----------------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------------------|--------------|--------------|--------------------------|------------|------------|
| BID               | HOSE        | 269,620             | 3,071,970             | 167,987                    | 1.9%                     | 1.6%                        | 94.5%                            | 0.9%         | 17.3%        | 9.0%                     | 10.2       | 1.7        |
| CTG               | HOSE        | 279,240             | 2,761,551             | 169,881                    | 1.1%                     | 1.1%                        | 176.5%                           | 1.3%         | 21.1%        | 9.5%                     | 8.4        | 1.7        |
| VCB               | HOSE        | 492,149             | 2,378,186             | 222,792                    | 1.0%                     | 0.3%                        | 201.9%                           | 1.6%         | 16.8%        | 12.2%                    | 14.0       | 2.2        |
| MBB               | HOSE        | 197,750             | 1,328,560             | 133,091                    | 1.9%                     | 1.4%                        | 79.2%                            | 2.0%         | 20.2%        | 11.8%                    | 8.1        | 1.6        |
| VPB               | HOSE        | 240,001             | 1,178,299             | 159,545                    | 3.5%                     | 3.8%                        | 55.1%                            | 2.0%         | 14.0%        | 15.5%                    | 11.6       | 1.6        |
| TCB               | HOSE        | 247,310             | 1,129,570             | 179,431                    | 1.2%                     | 0.6%                        | 119.2%                           | 2.1%         | 14.2%        | 15.4%                    | 11.2       | 1.5        |
| ACB               | HOSE        | 125,591             | 948,549               | 91,416                     | 1.1%                     | 0.5%                        | 84.0%                            | 1.9%         | 19.9%        | 11.8%                    | 7.2        | 1.4        |
| SHB               | HOSE        | 79,701              | 852,623               | 65,761                     | 3.1%                     | 0.6%                        | 56.9%                            | 1.5%         | 19.1%        | 11.9%                    | 6.7        | 1.2        |
| STB               | HOSE        | 93,695              | 848,942               | 62,705                     | 2.8%                     | 1.8%                        | 93.3%                            | 1.6%         | 20.9%        | 10.1%                    | 7.6        | 1.5        |
| HDB               | HOSE        | 124,466             | 781,937               | 68,407                     | 2.9%                     | 4.7%                        | 43.4%                            | 2.0%         | 24.1%        | 14.0%                    | 7.9        | 1.9        |
| <b>VIB</b>        | <b>HOSE</b> | <b>63,995</b>       | <b>543,560</b>        | <b>45,260</b>              | <b>3.3%</b>              | <b>2.8%</b>                 | <b>39.4%</b>                     | <b>1.5%</b>  | <b>17.3%</b> | <b>11.9%</b>             | <b>8.5</b> | <b>1.4</b> |
| LPB               | HOSE        | 145,182             | 539,149               | 43,462                     | 1.8%                     | 1.0%                        | 76.1%                            | 2.0%         | 23.9%        | 13.3%                    | 14.0       | 3.3        |
| TPB               | HOSE        | 48,130              | 451,893               | 39,993                     | 2.2%                     | 1.8%                        | 61.2%                            | 1.6%         | 16.8%        | 13.2%                    | 7.4        | 1.2        |
| SSB               | HOSE        | 50,499              | 380,808               | 40,268                     | 2.0%                     | 1.0%                        | 71.9%                            | 1.9%         | 17.3%        | 12.8%                    | 7.6        | 1.3        |
| NAB               | HOSE        | 25,478              | 377,089               | 22,267                     | 2.7%                     | 0.6%                        | 46.4%                            | 1.3%         | 19.3%        | 12.7%                    | 6.4        | 1.1        |
| MSB               | HOSE        | 40,716              | 355,679               | 40,556                     | 2.8%                     | 1.2%                        | 53.7%                            | 1.6%         | 14.0%        | 12.4%                    | 7.6        | 1.0        |
| OCB               | HOSE        | 33,421              | 315,162               | 32,648                     | 3.7%                     | 2.0%                        | 40.6%                            | 1.3%         | 12.0%        | 12.5%                    | 8.6        | 1.0        |
| EIB               | HOSE        | 42,004              | 255,707               | 26,541                     | 3.0%                     | 1.3%                        | 34.7%                            | 1.2%         | 11.8%        | 12.4%                    | 13.8       | 1.6        |
| ABB               | UPCoM       | 15,511              | 204,576               | 15,838                     | 2.6%                     | 1.0%                        | 60.1%                            | 1.1%         | 13.9%        | 10.1%                    | 7.5        | 1.0        |
| BAB               | HNX         | 12,440              | 191,965               | 12,774                     | 1.1%                     | 0.5%                        | 108.4%                           | 0.6%         | 8.3%         | 11.2%                    | 11.8       | 1.0        |
| VBB               | UPCoM       | 11,168              | 188,133               | 9,353                      | 2.7%                     | 1.3%                        | 50.0%                            | 0.5%         | 10.4%        | 11.7%                    | 9.1        | 1.2        |
| NVB               | HNX         | 27,137              | 154,102               | 6,745                      | 9.1%                     | 0.7%                        | 15.2%                            | -            | -            | -                        | -          | -          |
| VAB               | HOSE        | 8,939               | 134,614               | 9,691                      | 1.8%                     | 0.6%                        | 65.5%                            | 0.8%         | 11.5%        | -                        | 8.4        | 0.9        |
| BVB               | UPCoM       | 8,522               | 122,606               | 7,382                      | 3.2%                     | 1.1%                        | 48.5%                            | 0.5%         | 7.7%         | 11.9%                    | 15.2       | 1.2        |
| KLB               | UPCoM       | 9,447               | 97,716                | 7,724                      | 1.9%                     | 1.4%                        | 78.2%                            | 1.6%         | 21.2%        | 12.3%                    | 6.3        | 1.2        |
| PGB               | UPCoM       | 12,692              | 79,838                | 6,362                      | 3.9%                     | 2.0%                        | 31.9%                            | 0.6%         | 7.8%         | 10.0%                    | 16.2       | 2.0        |
| SGB               | UPCoM       | 4,453               | 34,870                | 4,286                      | 3.1%                     | 6.0%                        | 33.0%                            | 0.3%         | 2.8%         | 14.8%                    | -          | 1.0        |
| <b>Trung bình</b> |             | <b>100,343</b>      | <b>729,913</b>        | <b>62,673</b>              | <b>2.6%</b>              | <b>1.6%</b>                 | <b>71.1%</b>                     | <b>1.3%</b>  | <b>15.5%</b> | <b>12.2%</b>             | <b>9.6</b> | <b>1.4</b> |
| <b>Trung vị</b>   |             | <b>48,130</b>       | <b>380,808</b>        | <b>40,268</b>              | <b>2.7%</b>              | <b>1.2%</b>                 | <b>60.1%</b>                     | <b>1.5%</b>  | <b>16.8%</b> | <b>12.2%</b>             | <b>8.4</b> | <b>1.3</b> |

Nguồn: Finpro-X, ACBS

| (Đơn vị: tỷ đồng, trừ khi chú thích khác) | Giá hiện tại<br>(đồng): | 18.350         | Giá mục tiêu<br>(đồng): | 20.200         | Vốn hóa<br>(tỷ đồng): | 62.320         |
|-------------------------------------------|-------------------------|----------------|-------------------------|----------------|-----------------------|----------------|
| <b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>                 | <b>2021</b>             | <b>2022</b>    | <b>2023</b>             | <b>2024</b>    | <b>2025F</b>          | <b>2026F</b>   |
| Thu nhập lãi thuần                        | 11,816                  | 14,963         | 18,484                  | 16,750         | 16,097                | 19,569         |
| Lợi nhuận từ dịch vụ                      | 2,742                   | 3,188          | 2,203                   | 1,765          | 1,854                 | 2,132          |
| Lợi nhuận khác                            | 333                     | (93)           | 1,473                   | 2,053          | 2,311                 | 2,411          |
| <b>Tổng thu nhập</b>                      | <b>14,891</b>           | <b>18,058</b>  | <b>22,160</b>           | <b>20,569</b>  | <b>20,262</b>         | <b>24,113</b>  |
| Tăng trưởng (%)                           | 32.8%                   | 21.3%          | 22.7%                   | -7.2%          | -1.5%                 | 19.0%          |
| Chi phí hoạt động                         | (5,282)                 | (6,197)        | (6,611)                 | (7,211)        | (7,356)               | (8,091)        |
| <b>LN trước dự phòng</b>                  | <b>9,609</b>            | <b>11,861</b>  | <b>15,550</b>           | <b>13,358</b>  | <b>12,906</b>         | <b>16,022</b>  |
| Chi phí dự phòng                          | (1,598)                 | (1,280)        | (4,846)                 | (4,353)        | (3,571)               | (5,142)        |
| <b>LN trước thuế</b>                      | <b>8,011</b>            | <b>10,581</b>  | <b>10,704</b>           | <b>9,004</b>   | <b>9,335</b>          | <b>10,880</b>  |
| Tăng trưởng (%)                           | 38.0%                   | 32.1%          | 1.2%                    | -15.9%         | 3.7%                  | 16.5%          |
| <b>LN sau thuế (sau lợi ích CĐTS)</b>     | <b>6,410</b>            | <b>8,469</b>   | <b>8,563</b>            | <b>7,204</b>   | <b>7,469</b>          | <b>8,705</b>   |
| <b>LN thuộc về cổ đông</b>                | <b>6,317</b>            | <b>8,358</b>   | <b>8,453</b>            | <b>7,112</b>   | <b>7,374</b>          | <b>8,594</b>   |
| <b>EPS điều chỉnh (VND)</b>               | <b>1,860</b>            | <b>2,461</b>   | <b>2,489</b>            | <b>2,094</b>   | <b>2,171</b>          | <b>2,530</b>   |
|                                           |                         |                |                         |                |                       |                |
| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>               | <b>2021</b>             | <b>2022</b>    | <b>2023</b>             | <b>2024</b>    | <b>2025F</b>          | <b>2026F</b>   |
| Dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)             | 204,103                 | 233,774        | 267,113                 | 324,602        | 389,523               | 467,427        |
| Tăng trưởng (%)                           | 19.2%                   | 14.5%          | 14.3%                   | 21.5%          | 20.0%                 | 20.0%          |
| Tiền gửi khách hàng                       | 173,565                 | 200,124        | 236,577                 | 276,308        | 317,755               | 381,305        |
| Tăng trưởng (%)                           | 15.4%                   | 15.3%          | 18.2%                   | 16.8%          | 15.0%                 | 20.0%          |
| <b>Tổng tài sản</b>                       | <b>309,517</b>          | <b>342,799</b> | <b>409,881</b>          | <b>493,158</b> | <b>571,957</b>        | <b>683,134</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>24,291</b>           | <b>32,651</b>  | <b>37,940</b>           | <b>41,862</b>  | <b>47,150</b>         | <b>53,366</b>  |
| BVPS (VND)                                | 7,152                   | 9,614          | 11,171                  | 12,326         | 13,883                | 15,714         |
|                                           |                         |                |                         |                |                       |                |
| <b>CHỈ SỐ</b>                             | <b>2021</b>             | <b>2022</b>    | <b>2023</b>             | <b>2024</b>    | <b>2025F</b>          | <b>2026F</b>   |
| Tỷ lệ nợ xấu (%)                          | 2.3%                    | 2.5%           | 3.1%                    | 3.5%           | 3.2%                  | 3.3%           |
| Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)                  | 51.4%                   | 53.9%          | 51.0%                   | 50.1%          | 42.8%                 | 40.0%          |
| NIM (%)                                   | 4.5%                    | 4.9%           | 5.3%                    | 3.9%           | 3.2%                  | 3.3%           |
| CIR (%)                                   | 35.5%                   | 34.3%          | 29.8%                   | 35.1%          | 36.3%                 | 33.6%          |
| ROA (%)                                   | 2.3%                    | 2.6%           | 2.3%                    | 1.6%           | 1.4%                  | 1.4%           |
| ROE (%)                                   | 30.3%                   | 29.7%          | 24.3%                   | 18.1%          | 16.8%                 | 17.3%          |
| CAR Basel 2 (%)                           | 11.7%                   | 12.8%          | 11.7%                   | 11.9%          | 11.5%                 | 10.9%          |
| P/E (x)                                   | 25.4                    | 7.7            | 7.9                     | 9.4            | 8.5                   | 7.3            |
| P/B (x)                                   | 6.6                     | 2.0            | 1.8                     | 1.6            | 1.3                   | 1.2            |
| Suất sinh lợi cổ tức (%)                  | 0.0%                    | 0.0%           | 7.9%                    | 6.4%           | 3.6%                  | 3.8%           |

### LIÊN HỆ

#### Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu,  
Phường Xuân Hòa, TP. HCM  
Tel: (+84 28) 7300 7000

#### Chi nhánh Hà Nội

Số 10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội  
Tel: (+84 24) 3942 9396

### PHÒNG PHÂN TÍCH & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

[acbs\\_phantich@acbs.com.vn](mailto:acbs_phantich@acbs.com.vn)  
[trangdm@acbs.com.vn](mailto:trangdm@acbs.com.vn)

### KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

#### Trưởng phòng khối khách hàng định chế

**Chu Thị Kim Hương**  
(+84 28) 7300 7000 (x1083)  
[huongctk@acbs.com.vn](mailto:huongctk@acbs.com.vn)  
[groupis@acbs.com.vn](mailto:groupis@acbs.com.vn)

#### Giám đốc Xử lý giao dịch KHĐC

**Nguyễn Trần Như Huỳnh**  
(+84 28) 7300 6879 (x1088)  
[huynhntn@acbs.com.vn](mailto:huynhntn@acbs.com.vn)



## KHUYẾN CÁO

### Nguyên Tắc Khuyến Nghị

|                      |                                                                                                             |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>MUA</b>           | : tổng lợi nhuận từ cổ phiếu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ từ 20% trở lên.    |
| <b>KHẢ QUAN</b>      | : tổng lợi nhuận từ cổ phiếu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ từ 10% đến 20%.    |
| <b>TRUNG LẬP</b>     | : tổng lợi nhuận từ cổ phiếu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ từ -10% đến 10%.   |
| <b>KÉM TRUNG LẬP</b> | : tổng lợi nhuận từ cổ phiếu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ từ -10% đến -20%.  |
| <b>BÁN</b>           | : tổng lợi nhuận từ cổ phiếu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ từ -20% trở xuống. |

### Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày ở đây.

### Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán của các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào.

ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

### Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành TRUNG LẬP hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này.

**ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

**Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này.** Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

**Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.**

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2025). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.